TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 17-5-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đàm Quang Hiệp
Các Hội thẩm nhân:
- Ông Đặng Văn Minh
- Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 4 năm 2019 và ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh T
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:* Chị và anh Võ Thanh T kết hôn vào tháng 6/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng không tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn để lo lắng cho gia đình, kinh tế gia đình khó khăn

và anh T thay đổi tính cách. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Vì tình cảm giữa chị và anh T không còn, nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn với anh Võ Thanh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Trịnh Ngọc H, sinh ngày 28/6/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn Võ Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Võ Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Võ Trịnh Ngọc H, sinh ngày 28/6/2016 cho chị T nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Võ Thanh T đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án làm việc, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trịnh Thị T và bị đơn Võ Thanh T kết hôn nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06 tháng 6 năm 2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ sống chung được. Mặc khác, nguyên đơn cho rằng vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2018 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan hệ với nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị T, anh T có 01 con chung tên Võ Trịnh Ngọc H, sinh ngày 28/6/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu H đang sinh sống cùng với chị T, anh T không có ý kiến đối với việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Nguyên đơn chị Trịnh Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Trịnh Ngọc H, sinh ngày 28/6/2016 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003760, ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

4. Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2019). Anh Võ Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đàm Quang Hiệp